

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình

1

nhân mẫu thuẫn do vợ chồng không tìm được tiếng nói chung khi bàn bạc, thống nhất với nhau về các vấn đề nảy sinh trong cuộc sống và cách nuôi dạy con cái. Không chăm lo cơm nước cho gia đình mà hay để các con phải ăn các thức ăn không đảm bảo cho sức khỏe. Mỗi lần vợ chồng cãi vã nhau thì cô T đều có hành vi bỏ nhà đi. Vì thương con nên tôi cũng đã kéo dài cuộc hôn nhân. Tuy nhiên đến nay, giữa vợ chồng không còn tình cảm nữa. Tôi đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với cô Trần Thị T.

Về con chung: Tôi có 02 con chung là các cháu: Nguyễn Trọng D – Sinh ngày: 14/12/2013, Nguyễn Trọng N – Sinh ngày: 04/12/2011. Tôi có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung đến tuổi trưởng thành.

Về cấp dưỡng nuôi con chung, tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** *Chị Trần Thị T trình bày:***

Tôi và anh Nguyễn H tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2010 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường C, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Quá trình chung sống, vợ chồng thường hay nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do anh H thường hay uống rượu và có nhiều lần gây gổ, đánh đập tôi. Cho đến nay, tình cảm vợ chồng không còn nữa, tôi cũng đồng ý ly hôn.

Về con chung: Chúng tôi có 02 con chung là các cháu: Nguyễn Trọng D – Sinh ngày: 14/12/2013, Nguyễn Trọng N – Sinh ngày: 04/12/2011. Hiện nay, tôi không đủ điều kiện nuôi dưỡng các con do vậy tôi có nguyện vọng để cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung.

Về tài sản chung: Chúng tôi có 01 căn nhà chung đang sinh sống. Nếu hai bên không chia được thì nhờ Tòa án giải quyết chia căn nhà này để tôi có vốn làm ăn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết là “Ly hôn và tranh chấp về nuôi con”, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Đối với bị đơn Chị Trần Thị T đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp.

[2] Về nội dung: Anh Nguyễn H và Chị Trần Thị T tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường C, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 31/3/2011 nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Quá trình duy trì quan hệ hôn nhân, anh Nguyễn H và chị Trần Thị T đều thừa nhận giữa vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do hai bên đã không còn sự yêu thương, tin tưởng, tôn trọng và chăm sóc nhau. Xét thấy, mâu thuẫn tình cảm giữa anh, chị là không thể hàn gắn; đời sống chung đã không còn được duy trì, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Nguyễn H.

Về con chung: Anh H và Chị T có 02 con chung là các cháu: Nguyễn Trọng N – Sinh ngày: 04/12/2011 và Nguyễn Trọng D – Sinh ngày: 14/12/2013. Xét thấy, anh H và chị T đều có nguyện vọng để cho anh H được nuôi dưỡng trực tiếp các con chung vì hiện nay chị T chưa có đủ điều kiện để nuôi con. Do vậy, cần giao các con chung cho anh Nguyễn H trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi thành niên là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Nguyễn H không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh Nguyễn H không yêu cầu Tòa án giải quyết. Xét ý kiến của chị Trần Thị T về việc chia căn nhà anh chị đang sinh sống: Tòa án đã yêu cầu chị T thực hiện các thủ tục tố tụng theo quy định. Tuy nhiên, chị T không thực hiện. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết. Chị T có quyền khởi kiện bằng vụ án dân sự khác.

[3] Về án phí: Nguyên đơn Anh Nguyễn H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

- *Căn cứ: khoản 1 Điều 28, Điều 144, Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự;*

- *Áp dụng: Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81 và Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình;*

- *Áp dụng: khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.*

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Anh Nguyễn H

- *Về quan hệ hôn nhân:* Anh Nguyễn H được ly hôn với Chị Trần Thị T.

- *Về con chung:* Giao con chung là các cháu: Nguyễn Trọng N – Sinh ngày: 04/12/2011 và Nguyễn Trọng D – Sinh ngày: 14/12/2013 cho Anh Nguyễn H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các con chung đủ tuổi thành niên.

Về cấp dưỡng nuôi con chung, tài sản chung và nợ chung: các đương sự không yêu cầu, nên không đặt ra giải quyết.

Chị Trần Thị T được quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở.

- *Về án phí*: Nguyên đơn Anh Nguyễn H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng mà anh H đã nộp theo biên lai thu số AA/2017/0003064 ngày 12/01/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự Thành phố Buôn Ma Thuột.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk;
- VKS Tp. BMT, tỉnh Đắk Lắk;
- UBND phường C, Thành phố B;
- Các đương sự;
- Lưu HS

Nguyễn Thị Hải An